

Số: 03/NQ-UBBC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Ea Pô, Ngày 28 tháng 05 năm 2021*

## NGHỊ QUYẾT

Công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử  
đại biểu Hội đồng nhân dân xã Ea Pô khóa VII, nhiệm kỳ 2021-2026

## ỦY BAN BẦU CỬ XÃ EA PÔ

Căn cứ Luật Bầu cử Đại biểu Quốc hội và Đại biểu HĐND số: 85/2015/QH13 được Quốc Hội thông qua ngày 25/06/2015;

Căn cứ Biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã Ea Pô khóa VII, nhiệm kỳ 2021-2026, ngày 25/5/2021 của Ủy ban bầu cử xã Ea Pô;  
Theo đề nghị của Văn phòng UBND, thư ký Ủy ban bầu cử xã.

# QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã Ea Pô khóa VII, nhiệm kỳ 2021-2026. Cụ thể như sau:

1. Công bố kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã Ea Pô khóa VII, nhiệm kỳ 2021-2026 (phục lục kết quả kèm theo).
2. Công bố danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã Ea Pô khóa VII, nhiệm kỳ 2021-2026 (danh sách đại biểu kèm theo).

**Điều 2.** Nghị quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các thành viên Ủy ban bầu cử đại biểu HĐND xã Ea Pô khóa VII, nhiệm kỳ 2021 – 2026; 09 Ban bầu cử HĐND xã Ea Pô khóa VII, nhiệm kỳ 2021 – 2026; các ban ngành, đoàn thể liên quan và các đại biểu trúng cử có tên trong danh sách căn cứ Nghị quyết thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ủy ban bầu cử Huyện;
- Ủy ban nhân dân Huyện;
- Phòng nội vụ Huyện;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân xã;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã;
- Đài truyền thanh xã;
- Lưu: Vp HĐND và UBND xã.

TM. ỦY BAN BẦU CỬ  
CHỦ TỊCH



**PHỤ LỤC**

**Kết quả bầu cử HĐND xã Ea Pô khóa VII, nhiệm kỳ 2021 - 2026**  
(Kèm theo Nghị quyết số: 03/NQ-UBBC, ngày 28/5/2021)

| <b>Đơn vị bầu cử</b>                                                 | <b>Họ và tên người ứng cử ĐB<br/>HĐND<sup>(7)</sup></b> | <b>Số phiếu<br/>bầu</b> | <b>Tỷ lệ %<br/>so với<br/>tổng số<br/>phiếu<br/>hợp lệ</b> | <b>Ghi<br/>chú</b> |
|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------|
| Đơn vị bầu cử số<br>01 Gồm thôn:<br>Quyết tâm + Thanh<br>sơn         | 1. Ông: Phạm Văn Hoàng                                  | 333/939                 | 35,4                                                       |                    |
|                                                                      | 2. Ông: Đinh Công Lộc                                   | 671/939                 | 71,46                                                      |                    |
|                                                                      | 3. Bà: Nguyễn Thị Nguyệt                                | 801/939                 | 85,3                                                       |                    |
|                                                                      | 4. Bà: Vũ Thị Tươi                                      | 446/939                 | 47,4                                                       |                    |
|                                                                      | 5. Ông: Hoàng Công Xuyên                                | 548/939                 | 58,3                                                       |                    |
| Đơn vị bầu cử số<br>02 Gồm thôn:<br>Thanh tâm + Thanh<br>xuân        | 1. Ông: Lê Thanh Tính                                   | 641/776                 | 82,6                                                       |                    |
|                                                                      | 2. Bà: Nguyễn Thị Hồng Thêu                             | 528/776                 | 68,4                                                       |                    |
|                                                                      | 3. Bà: Lò Thị Vân                                       | 485/776                 | 62,5                                                       |                    |
|                                                                      | 4. Ông: Lữ Hồng Dinh                                    | 448/776                 | 57                                                         |                    |
|                                                                      | 5. Bà: Nguyễn Thị Vân                                   | 211/776                 | 27                                                         |                    |
| Đơn vị bầu cử số<br>03 Gồm thôn: Hợp<br>tân + Thanh nam +<br>Nhà đèn | 1. Ông: Trịnh Minh Đức                                  | 1107/1147               | 96,5                                                       |                    |
|                                                                      | 2. Ông: Lang Thanh Hải                                  | 795/1147                | 69,31                                                      |                    |
|                                                                      | 3. Ông: Hà Trung Tàn                                    | 77/1147                 | 59,2                                                       |                    |
|                                                                      | 4. Ông: Đỗ Quang Phi                                    | 621/1147                | 54                                                         |                    |
|                                                                      | 5. Bà: Hà Thị Mai                                       | 237/1147                | 20,6                                                       |                    |



|                                                                        |                          |          |       |  |
|------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------|-------|--|
| Đơn vị bầu cử số<br>04 Gồm thôn:<br>Trung sơn +<br>Phú sơn.            | 1. Ông: Hà Văn Thắng     | 973/1005 | 96,8  |  |
|                                                                        | 2. Bà: Vi Thị Bun My     | 301/1005 | 29,9  |  |
|                                                                        | 3. Ông: Đinh Văn Chanh   | 548/1005 | 54,5  |  |
|                                                                        | 4. Ông: Lữ Văn Đại       | 819/1005 | 81,5  |  |
|                                                                        | 5. Bà: Vũ Thị Hán        | 359/1005 | 35,7  |  |
| Đơn vị bầu cử số<br>05 Gồm thôn:<br>Nam thanh +<br>Đắc thanh.          | 1. Bà: Hà Thị Xuyên      | 655/694  | 94,4  |  |
|                                                                        | 2. Ông: Phạm Tuấn Vinh   | 475/694  | 68,4  |  |
|                                                                        | 3. Ông: Hà Văn Chuẩn     | 418/694  | 60,2  |  |
|                                                                        | 4. Ông: Phạm Trần Quý    | 193/694  | 28    |  |
|                                                                        | 5. Ông: Nguyễn Thanh Hải | 171/694  | 25    |  |
| Đơn vị bầu cử số<br>06 Gồm thôn:<br>Tân sơn +<br>Tân tiến.             | 1. Ông: Đinh Công Xoan   | 886/910  | 97,4  |  |
|                                                                        | 2. Ông: Nguyễn Đình Dân  | 849/910  | 93,2  |  |
|                                                                        | 3. Ông: Lê Văn Tuấn      | 514/910  | 56,4  |  |
|                                                                        | 4. Bà: Cao Thị Cử        | 339/910  | 37,2  |  |
|                                                                        | 5. Phạm Tiến Dũng        | 142/910  | 15,6  |  |
| Đơn vị bầu cử số<br>07 Gồm thôn:<br>Cao lạng + Bằng sơn<br>+ Hợp thành | 1. Bà: Nông Thị Hậu      | 882/1029 | 85,71 |  |
|                                                                        | 2. Ông: Lê Quang Hòa     | 773/1029 | 75,12 |  |
|                                                                        | 3. Bà: Triệu Thị Nha     | 747/1029 | 72,59 |  |
|                                                                        | 4. Bà: Tô Thị Thơ        | 412/1029 | 40    |  |
|                                                                        | 5. Ông: Lò Tuấn Anh      | 264/1029 | 25,6  |  |



|                                                                    |                           |           |       |  |
|--------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------|-------|--|
| Đơn vị bầu cử số<br>08 Gồm thôn:<br>Bình minh+<br>Suối tre         | 1. Ông: Nguyễn Văn Bình   | 679/706   | 96,17 |  |
|                                                                    | 2. Ông: Phùng Văn Đồng    | 663/706   | 93,9  |  |
|                                                                    | 3. Ông: Trần Đăng Sam     | 640/706   | 90,65 |  |
|                                                                    | 4. Bà: Đoàn Thị Thắng     | 81/706    | 11,47 |  |
|                                                                    | 5. Ông: Lê Văn Thanh      | 45/706    | 6,37  |  |
| Đơn vị bầu cử số<br>09 Gồm thôn:<br>Nam Tiến + Ba tầng +<br>Thôn 1 | 1. Ông: Lương Quang Thành | 1188/1302 | 91,24 |  |
|                                                                    | 2. Bà: Hoàng Thị Phương   | 489/1302  | 37,5  |  |
|                                                                    | 3. Bà: Hồ Thị Sáu         | 1014/1302 | 77,88 |  |
|                                                                    | 4. Ông: Đinh Công Điều    | 838/1302  | 64,36 |  |
|                                                                    | 5. Ông: Vi Văn Cang       | 488/1302  | 37,4  |  |
|                                                                    | 6. Bà: Nguyễn Thị Kim Sơn | 274/1302  | 21    |  |
|                                                                    | 7. Ông: Đinh Công Bộ Lĩnh | 915/1302  | 70,2  |  |

# ỦY BAN BẦU CỬ XÃ EA PÔ

# CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Ea Pô, ngày 28 tháng 05 năm 2021

## DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI TRƯNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ EA PÔ KHÓA VII, NHIỆM KỲ 2021 - 2026 (Kèm theo Nghị quyết: 03/NQ-UBND, ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban bầu cử xã Ea Pô)

| ST<br>T | Họ và tên       | Đơn vị bầu<br>cử | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Quê quán                                               | Quốc<br>tịch | Dân tộc | Tôn<br>giáo | Nơi ở hiện nay                                              | Nghề<br>nghiệp, chức<br>vụ                                                           | Nơi làm việc                                                   | Trình độ hiện nay           |                             |                       |                            |                               | Là đại<br>biểu<br>UBND      | Ghi chú |
|---------|-----------------|------------------|-----------------------------|--------------|--------------------------------------------------------|--------------|---------|-------------|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------|----------------------------|-------------------------------|-----------------------------|---------|
|         |                 |                  |                             |              |                                                        |              |         |             |                                                             |                                                                                      |                                                                | Giáo<br>dục<br>phổ<br>thông | Chuyên<br>môn, nghiệp<br>vụ | Học<br>hàm,<br>học vị | Lý<br>luận<br>chính<br>trị | Ngoại<br>ngữ                  |                             |         |
| 1       | Nguyễn Văn Bình | Đơn vị số 08     | 01/01/1979                  | Nam          | Xã Thượng Lâm, Huyện<br>Mý Đức, Thành phố Hà Nội       | Việt nam     | Kinh    | Không       | Thôn Nam Thanh, Xã<br>Ea Pô, Huyện Cư Jút,<br>Tỉnh Đắk Nông | Cán bộ chuyên<br>trách nhà nước<br>cấp xã ĐUV,<br>Phó chủ tịch Ủy<br>ban nhân dân xã | Ủy ban nhân dân<br>xã Ea Pô                                    | 12/12/P<br>hồ thông         | Đại<br>học                  | Thạc sĩ               | Trung cấp                  | Tiếng<br>Anh<br>trình độ<br>B | xã, nhiệm kỳ<br>2016 - 2021 |         |
| 2       | Đinh Văn Chanh  | Đơn vị số 04     | 28/02/1972                  | Nam          | Xã Thiên Phú, Huyện Quan<br>Hóa, Tỉnh<br>Thanh Hóa     | Việt nam     | Mường   | Không       | Thôn Trung Sơn, Xã<br>Ea Pô, Huyện Cư Jút,<br>Tỉnh Đắk Nông | Làm nông,<br>Trưởng Thôn                                                             | Thôn Trung Sơn,<br>Xã Ea Pô, Huyện<br>Cư Jút, Tỉnh Đắk<br>Nông | 9/12/Ph<br>ồ thông          |                             |                       | Sơ cấp                     |                               | xã, nhiệm kỳ<br>2016 - 2021 |         |
| 3       | Hà Văn Chuẩn    | Đơn vị số 05     | 05/10/1971                  | Nam          | Xã Trung Xuân, Huyện<br>Quan Sơn, Tỉnh<br>Thanh Hóa    | Việt nam     | Thái    | Không       | Thôn Đắk Thanh, Xã<br>Ea Pô, Huyện Cư Jút,<br>Tỉnh Đắk Nông | Làm nông,<br>Trưởng Thôn                                                             | Thôn Đắk Thanh,<br>Xã Ea Pô, Huyện<br>Cư Jút, Tỉnh Đắk<br>Nông | 10/12/P<br>hồ thông         |                             |                       | Sơ cấp                     |                               | xã, nhiệm kỳ<br>2016 - 2021 |         |
| 4       | Nguyễn Đình Dân | Đơn vị số 06     | 25/02/1974                  | Nam          | Xã Xuân Mỹ, Huyện<br>Thượng Xuân, Tỉnh Thanh<br>Hóa    | Việt nam     | Thái    | Không       | Thôn Tân Sơn, Xã Ea<br>Pô, Huyện Cư Jút,<br>Tỉnh Đắk Nông   | Làm nông, Bí thư<br>chi bộ                                                           | Thôn Tân Sơn,<br>Xã Ea Pô, Huyện<br>Cư Jút, Tỉnh Đắk<br>Nông   | 11/12/P<br>hồ thông         |                             |                       | Trung cấp                  |                               |                             |         |
| 5       | Lữ Văn Đại      | Đơn vị số 04     | 03/12/1989                  | Nam          | Xã Trung Xuân, Huyện<br>Quan Sơn, Tỉnh Thanh Hóa       | Việt nam     | Thái    | Không       | Thôn Thanh Tân,<br>Xã Ea Pô, Huyện Cư<br>Jút, Tỉnh Đắk Nông | Công chức nhà<br>nước cấp xã,<br>Công chức Văn<br>phòng - Thống kê<br>xã             | Ủy ban nhân dân<br>xã Ea Pô                                    | 12/12/P<br>hồ thông         | Đại<br>học                  |                       | Sơ cấp                     | Tiếng<br>Anh<br>trình độ<br>B |                             |         |
| 6       | Đinh Công Diệu  | Đơn vị số 09     | 29/09/1974                  | Nam          | Xã Trung Xuân, Huyện<br>Quan Sơn, Tỉnh<br>Thanh Hóa    | Việt nam     | Thái    | Không       | Thôn Nam Tiến, Xã<br>Ea Pô, Huyện Cư Jút,<br>Tỉnh Đắk Nông  | Làm nông,<br>Trưởng Thôn                                                             | Thôn Nam Tiến,<br>Xã Ea Pô, Huyện<br>Cư Jút, Tỉnh Đắk<br>Nông  | 9/12/Ph<br>ồ thông          |                             |                       | Sơ cấp                     |                               | xã, nhiệm kỳ<br>2016 - 2021 |         |
| 7       | Phùng Văn Đồng  | Đơn vị số 8      | 12/11/1962                  | Nam          | Xã Tân Đoàn, Huyện Văn<br>Quan, Tỉnh<br>Lạng Sơn, Tỉnh | Việt nam     | Nùng    | Không       | Thôn Bình Minh, Xã<br>Ea Pô, Huyện Cư Jút,<br>Tỉnh Đắk Nông | Làm nông,<br>Trưởng Thôn                                                             | Thôn Bình Minh,<br>Xã Ea Pô, Huyện<br>Cư Jút, Tỉnh Đắk<br>Nông | 12/12/P<br>hồ thông         | Trung<br>cấp                | Trung cấp Cơ<br>diện  |                            |                               | xã, nhiệm kỳ<br>2016 - 2021 |         |



| ST<br>T | Họ và tên         | Đơn vị bầu<br>cử | Ngày,<br>tháng, năm<br>sinh | Giới<br>tính | Quê quán                                             | Quốc<br>tích | Dân tộc | Tôn<br>giáo | Nơi ở hiện nay                                              | Nghề<br>nghiệp, chức<br>vụ                                                                                   | Nơi làm việc                                                   | Trình độ hiện nay           |                             |                             |                            |                               | Là đại<br>biểu<br>HBND        | Gh<br>ch                    |  |
|---------|-------------------|------------------|-----------------------------|--------------|------------------------------------------------------|--------------|---------|-------------|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|--|
|         |                   |                  |                             |              |                                                      |              |         |             |                                                             |                                                                                                              |                                                                | Giáo<br>dục<br>phổ<br>thông | Chuyên<br>môn, nghiệp<br>vụ | Học<br>hàm,<br>học vị       | Lý<br>luận<br>chính<br>trị | Ngoại<br>ngữ                  |                               |                             |  |
| 8       | Trình Minh Đức    | Đơn vị số 03     | 12/05/1981                  | nam          | Xã Yên Thọ, Huyện Yên<br>Đĩnh, Tỉnh<br>Thanh Hóa     | Việt nam     | Kinh    | Không       | Thị trấn Ea Tling,<br>Huyện Cư Jút, Tỉnh<br>Đắk Nông        | Công chức nhà<br>nước cấp xã,<br>ĐUV,<br>Trưởng Công an<br>xã                                                | Ủy ban nhân dân<br>xã Ea Pô                                    | 12/12/Ph<br>ổ thông         | Đại<br>học                  | Đại học Điều tra<br>hình sự |                            | Trung cấp                     | Tiếng<br>Anh<br>trình độ<br>B |                             |  |
| 9       | Lang Thanh Hải    | Đơn vị số 03     | 14/05/1965                  | Nam          | Xã Bát Mọt, Huyện<br>Thường Xuân, Tỉnh<br>Thanh Hóa  | Việt nam     | Thái    | Không       | Thôn Thanh Nam, Xã<br>Ea Pô, Huyện Cư Jút,<br>Tỉnh Đắk Nông | Làm nông,<br>Trưởng ban công<br>tắc Mặt trận thôn                                                            | Thôn Thanh<br>Nam, Xã Ea Pô,<br>Huyện Cư Jút,<br>Tỉnh Đắk Nông | 12/12/B<br>ổ túc            |                             |                             | Trung cấp                  |                               |                               |                             |  |
| 10      | Nông Thị Hậu      | Đơn vị số 07     | 28/12/1973                  | Nữ           | Xã Văn Trinh, Huyện<br>Thạch An, Tỉnh Cao Bằng       | Việt nam     | Tây     | Không       | Thôn Hợp Thành, Xã<br>Ea Pô, Huyện Cư Jút,<br>Tỉnh Đắk Nông | Làm nông, Bí thư<br>chi bộ                                                                                   | Thôn Hợp Thành,<br>Xã Ea Pô, Huyện<br>Cư Jút, Tỉnh Đắk<br>Nông | 12/12/P<br>hồ thông         |                             |                             | Sơ cấp                     |                               |                               |                             |  |
| 11      | Lê Quang Hòa      | Đơn vị số 07     | 10/02/1974                  | Nam          | Xã Thuận Lộc, Huyện Hậu<br>Lộc, Tỉnh<br>Thanh Hóa    | Việt nam     | Kinh    | Không       | Thị trấn Ea Tling,<br>huyện Cư Jút, Tỉnh<br>Đắk Nông        | Cán bộ chuyên<br>trách nhà nước<br>cấp xã, ĐUV,<br>Bí Thư Đảng ủy<br>xã                                      | Đảng ủy xã Ea Pô                                               | 12/12/P<br>hồ thông         | Đại<br>học                  | Đại học Luật                |                            | CC                            | Tiếng<br>Anh<br>trình độ<br>B |                             |  |
| 12      | Đinh Công Bộ Linh | Đơn vị số 09     | 20/10/1992                  | Nam          | Xã Thượng Lâm, Huyện<br>Mỹ Đức, Tỉnh Hà Nội          | Việt nam     | Kinh    | Không       | Thôn Thanh Tâm, Xã<br>Ea Pô, Huyện Cư Jút,<br>Tỉnh Đắk Nông | Người hoạt động<br>không chuyên<br>trách cấp xã, Phó<br>bí thư Đoàn thanh<br>niên công sản Hồ<br>Chi Minh xã | Đoàn thanh niên<br>công sản Hồ Chi<br>Minh xã Ea Pô            | 12/12/Ph<br>ổ thông         | Đại<br>học                  | Đại học Luật                |                            | Sơ cấp                        |                               |                             |  |
| 13      | Đinh Công Lộc     | Đơn vị số 01     | 12/08/1964                  | Nam          | Xã Vĩnh Tiến, Huyện Kim<br>Bôi, Tỉnh<br>Hòa Bình     | Việt nam     | Mường   | Không       | Thôn Thanh Sơn, Xã<br>Ea Pô, Huyện Cư Jút,<br>Tỉnh Đắk Nông | Làm nông,<br>Trưởng Thôn                                                                                     | Thôn Thanh Sơn,<br>Xã Ea Pô, Huyện<br>Cư Jút, Tỉnh Đắk<br>Nông | 9/12/Ph<br>ổ thông          |                             |                             |                            |                               |                               |                             |  |
| 14      | Nguyễn Thị Nguyệt | Đơn vị số 01     | 01/09/1983                  | Nữ           | Xã Hải Cường, Huyện Hải<br>Hậu, Tỉnh<br>Nam Định     | Việt nam     | Kinh    | Không       | Thôn Nam Thanh, Xã<br>Ea Pô, Huyện Cư Jút,<br>Tỉnh Đắk Nông | Cán bộ chuyên<br>trách nhà nước<br>cấp xã, ĐUV, Bí<br>thư Đoàn thanh<br>niên công sản Hồ<br>Chi Minh xã      | Đoàn thanh niên<br>công sản Hồ Chi<br>Minh xã Ea Pô            | 12/12/Bổ<br>túc             | Cao<br>đang                 | Cao đẳng Dược               |                            | Trung cấp                     |                               |                             |  |
| 15      | Trần Thị Nha      | Đơn vị số 07     | 05/06/1968                  | Nữ           | Xã Xuân Hòa, Huyện Hòa<br>Quảng, Tỉnh<br>Cao Bằng    | Việt nam     | Tây     | Không       | Thôn Bàng Sơn, Xã<br>Ea Pô, Huyện Cư Jút,<br>Tỉnh Đắk Nông  | Làm nông,<br>Trưởng ban công<br>tắc Mặt trận thôn                                                            | Thôn Bàng Sơn,<br>Xã Ea Pô, Huyện<br>Cư Jút, Tỉnh Đắk<br>Nông  | 12/12/P<br>hồ thông         |                             |                             | Sơ cấp                     |                               |                               | xã, nhiệm kỳ<br>2016 - 2021 |  |
| 16      | Trần Đăng Sơn     | Đơn vị số 08     | 12/02/1968                  | Nam          | Xã Hiệp Cát, Huyện Nam<br>Sách, Tỉnh Hải Dương       | Việt nam     | Kinh    | Không       | Thôn Suối Tre, Xã<br>Ea Pô, Huyện Cư Jút,<br>Tỉnh Đắk Nông  | Làm nông,<br>Trưởng Thôn                                                                                     | Thôn Ba Tầng,<br>Xã Ea Pô, Huyện<br>Cư Jút, Tỉnh Đắk<br>Nông   | 10/10/P<br>hồ thông         |                             |                             | Sơ cấp                     |                               |                               |                             |  |
| 17      | Hồ Thị Sáu        | Đơn vị số 09     | 17/02/1982                  | Nữ           | Xã Đông Vinh, Thành phố<br>Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa | Việt nam     | Kinh    | Không       | Thôn Ba Tầng, Xã Ea<br>Pô, Huyện Cư Jút,<br>Tỉnh Đắk Nông   | Làm nông,<br>Trưởng Thôn                                                                                     | Thôn Ba Tầng,<br>Xã Ea Pô, Huyện<br>Cư Jút, Tỉnh Đắk<br>Nông   | 12/12/P<br>hồ thông         | Đại<br>học                  | Đại học Sư Phạm             |                            | Tiếng<br>Anh<br>trình độ<br>B |                               |                             |  |
| 18      | Hà Trung Tân      | Đơn vị số 03     | 17/10/1984                  | Nam          | Xã Trung Xuân, Huyện<br>Quan Sơn, Tỉnh<br>Thanh Hóa  | Việt nam     | Thái    | Không       | Thôn Thanh Tâm, Xã<br>Ea Pô, Huyện Cư Jút,<br>Tỉnh Đắk Nông | Người hoạt động<br>không chuyên<br>trách cấp xã,<br>ĐUV, Phó chủ<br>tịch Ủy ban Mặt<br>trần tổ quốc xã       | Ủy ban Mặt trận<br>tổ quốc xã Ea Pô                            | 12/12/P<br>hồ thông         | Đại<br>học                  | Đại học Trật học            |                            | Trung cấp                     | Tiếng<br>Anh<br>trình độ<br>B |                             |  |

| ST T | Họ và tên            | Đơn vị bầu cử | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Quê quán                                          | Quốc tịch | Dân tộc | Tôn giáo | Nơi ở hiện nay                                        | Nghề nghiệp, chức vụ                                                                                                | Nơi làm việc                                            | Trình độ hiện nay  |                       |                 |                   |                      | Là đại biểu HĐND         | Ghi chú |
|------|----------------------|---------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------|-----------|---------|----------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------|-----------------|-------------------|----------------------|--------------------------|---------|
|      |                      |               |                       |           |                                                   |           |         |          |                                                       |                                                                                                                     |                                                         | Giáo dục phổ thông | Chuyên môn, nghiệp vụ | Học hàm, học vị | Lý luận chính trị | Ngoại ngữ            |                          |         |
| 16   | Trần Đăng Sam        | Đơn vị số 08  | 12/02/1968            | Nam       | Xã Hiệp Cát, Huyện Nam Sách, Tỉnh Hải Dương       | Việt nam  | Kinh    | Không    | Thôn Suối Tre, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông  | Làm nông, Trưởng thôn                                                                                               | Thôn Suối Tre, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông    | 10/10/P hó thông   |                       |                 | Sơ cấp            | Tiếng Anh trình độ B |                          |         |
| 17   | Hồ Thị Sáu           | Đơn vị số 09  | 17/02/1982            | Nữ        | Xã Đồng Vinh, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa | Việt nam  | Kinh    | Không    | Thôn Ba Tầng, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông   | Làm nông, Trưởng thôn                                                                                               | Thôn Ba Tầng, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông     | 12/12/P hó thông   | Đại học Sư Phạm       |                 |                   | Tiếng Anh trình độ B |                          |         |
| 18   | Hà Trung Tân         | Đơn vị số 03  | 17/10/1984            | Nam       | Xã Trung Xuân, Huyện Quan Sơn, Tỉnh Thanh Hóa     | Việt nam  | Thái    | Không    | Thôn Thanh Tâm, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông | Người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ĐUV, Phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã                             | Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã Ea Pô                        | 12/12/P hó thông   | Đại học Trật học      |                 | Trung cấp         | Tiếng Anh trình độ B |                          |         |
| 19   | Hà Văn Thắng         | Đơn vị số 04  | 07/02/1976            | Nam       | Xã Phú Lễ, Huyện Quan Hòa, Tỉnh Thanh Hóa         | Việt nam  | Thái    | Không    | Thôn Phú Sơn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông   | Cán bộ chuyên trách nhà nước cấp xã, Phó bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội Cựu Chiến Binh xã | Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Hội Cựu Chiến Binh xã Ea Pô | 12/12/B ô túc      | Đại học Luật          |                 | Trung cấp         | Tiếng Anh trình độ B |                          |         |
| 20   | Lương Quang Thanh    | Đơn vị số 09  | 05/12/1974            | Nam       | Xã Sơn Điện, Huyện Quan Hòa, Tỉnh Thanh Hóa       | Việt nam  | Mường   | Không    | Thôn Phú Sơn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông   | Người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ĐUV, Phó chủ tịch Hội cựu chiến binh xã                                  | Hội cựu chiến binh xã Ea Pô                             | 12/12/Bô túc       | Trung cấp Sư          |                 | Trung cấp         | Tiếng Anh trình độ B |                          |         |
| 21   | Nguyễn Thị Hồng Thêu | Đơn vị số 02  | 28/10/1973            | Nữ        | Xã Phú Phương, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội      | Việt nam  | Kinh    | Không    | Thôn Bàng Sơn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông  | Giáo viên, Hiệu trưởng                                                                                              | Trường Tiểu học Nguyễn Huệ                              | 12/12/P hó thông   | Đại học Sư Phạm       |                 | Trung cấp         | Tiếng Anh trình độ B |                          |         |
| 22   | Lê Thanh Tinh        | Đơn vị số 02  | 28/03/1976            | Nam       | Xã Đồng Tâm, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội       | Việt nam  | Kinh    | Không    | Thôn Nam Thanh, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông | Công chức nhà nước cấp xã, UVBTV, Chủ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự xã                                             | Ban chỉ huy quân sự xã Ea Pô                            | 12/12/P hó thông   | Đại học Luật          |                 | Trung cấp         | Tiếng Anh trình độ B | xã, nhiệm kỳ 2016 - 2021 |         |
| 23   | Lê Văn Tuấn          | Đơn vị số 06  | 12/08/1986            | Nam       | Xã Thiệu Phú, Huyện Thiệu Hóa, Tỉnh Thanh Hóa     | Việt nam  | Kinh    | Không    | Thị trấn Ea Tling, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông        | ĐUV, Công chức nhà nước cấp xã, Công chức VP - TK xã                                                                | Ủy ban nhân dân xã Ea Pô                                | 12/12/P hó thông   | Đại học Luật, Kinh tế |                 | Trung cấp         | Tiếng Anh trình độ B |                          |         |



| ST T | Họ và tên        | Đơn vị bầu cử | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Quê quán                                        | Quốc tịch | Dân tộc | Tôn giáo | Nơi ở hiện nay                                        | Nghề nghiệp, chức vụ                                                            | Nơi làm việc                                          | Trình độ hiện nay  |                       |                                           |                   |                       | Là đại biểu HĐND                | Ghi chú |
|------|------------------|---------------|-----------------------|-----------|-------------------------------------------------|-----------|---------|----------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------|-------------------------------------------|-------------------|-----------------------|---------------------------------|---------|
|      |                  |               |                       |           |                                                 |           |         |          |                                                       |                                                                                 |                                                       | Giáo dục phổ thông | Chuyên môn, nghiệp vụ | Học hàm, học vị                           | Lý luận chính trị | Ngoại ngữ             |                                 |         |
| 24   | Lò Thị Vân       | Đơn vị số 02  | 03/12/1982            | Nữ        | Xã Trung Xuân, Huyện Quan Sơn, Tỉnh Thanh Hóa   | Viết nam  | Thái    | Không    | Thôn Thanh Tâm, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông | Làm nông, Trưởng ban công tác Mặt trận thôn                                     | Thôn Thanh Tâm, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông | 12/12/P hỏ thông   |                       |                                           | Sơ cấp            |                       | xã nhiệm kỳ 2016 - 2021         |         |
| 25   | Phạm Tuấn Vinh   | Đơn vị số 05  | 06/04/1964            | nam       | Xã Khánh Thiện, Huyện Yên Khánh, Tỉnh Ninh Bình | Viết nam  | Kinh    | Không    | Thôn Thanh Sơn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông | Cán bộ chuyên trách nhà nước cấp xã, ĐUV, Chủ tịch Hội nông dân                 | Hội nông dân xã Ea Pô                                 | 12/12/Ph ỏ thông   | Trung cấp             | Trung cấp Hành chính văn thư              |                   |                       |                                 |         |
| 26   | Định Công Xoan   | Đơn vị số 06  | 03/02/1967            | Nam       | Xã Trung Xuân, Huyện Quan Hòa, Tỉnh Thanh Hóa   | Viết nam  | Thái    | Không    | Thôn Tân Sơn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông   | Cán bộ chuyên trách nhà nước cấp xã, Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã   | Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Ea Pô                     | 12/12/B ỏ túc      | Đại học               | Đại học Luật                              | Trung cấp         | Tiếng Anh trình độ B  | Huyện, xã, nhiệm kỳ 2016 - 2021 |         |
| 27   | Hoàng Công Xuyên | Đơn vị số 01  | 01/12/1971            | Nam       | Xã Thăng Lợi, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên    | Viết nam  | Kinh    | Không    | Thôn Thanh Tâm, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông | Cán bộ chuyên trách nhà nước cấp xã, UVBTV, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã | Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã Ea Pô                      | 12/12/P hỏ thông   | Đại học               | Đại học Luật, Trung cấp quản lý nhân nước | Trung cấp         | Tiếng Anh trình độ B  | xã, nhiệm kỳ 2016 - 2021        |         |
| 28   | Hà Thị Xuyên     | Đơn vị số 02  | 25/10/1982            | Nữ        | Xã Phú Lễ, Huyện Quan Hòa, Tỉnh Thanh Hóa       | Viết nam  | Thái    | Không    | Thôn Đắk Thanh, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông | Cán bộ chuyên trách nhà nước cấp xã, ĐUV, Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân xã     | Hội đồng nhân dân xã Ea Pô                            | 12/12/B ỏ túc      | Đại học               | Đại học Quản lý nhà nước                  | Trung cấp         | Tiếng Anh trình độ A2 | xã, nhiệm kỳ 2016 - 2021        |         |